

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST

Ngày 20/6/2024.

V/v: “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Sâm và ông Nguyễn Việt Tú.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà:**
Ông Nguyễn Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 63/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 và giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Thu T, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Khu X, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Khu X, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T, anh T1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, *Tại đơn khởi kiện ngày 29/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Thu T trình bày:* Chị và anh Nguyễn Xuân T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/12/2019 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình

đã khuyên giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Từ cuối năm 2023 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Thu P, sinh ngày 04/7/2020 và Nguyễn Minh G, sinh ngày 09/4/2022. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thu P. Chị nhất trí giao cháu Nguyễn Minh G cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T không yêu cầu giải quyết.

2, *Tại bản tự khai ngày 06/6/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn anh Nguyễn Xuân T1:* Anh và chị Hoàng Thị Thu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/12/2019 tại UBND xã xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với bố mẹ anh T1, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau nên chung sống không hạnh phúc. Đến cuối năm 2023, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xin ly hôn anh, quan điểm của anh là mong muốn vợ chồng trở về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung nên anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Nguyễn Thu P, sinh ngày 04/7/2020 và Nguyễn Minh G, sinh ngày 09/4/2022. Trường hợp nếu ly hôn anh xin được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh G và nhất trí giao cháu Nguyễn Thu P cho chị T nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh T1 không yêu cầu giải quyết.

3, *Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Hương Lung ngày 27/5/2024 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp:* Chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/12/2019 tại UBND xã xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với bố mẹ anh T1. Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau nên chung sống không hạnh phúc. Đến tháng 11 năm 2023 đến nay, chị T và anh T1 ly thân, không ai quan tâm đến ai. Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thu P, sinh ngày 04/7/2020 và Nguyễn Minh G, sinh ngày 09/4/2022. Hiện nay cả 02 con chung đều đang ở cùng với anh T1. Nay chị T xin ly hôn anh T1, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết về quan

hệ hôn nhân và con chung theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Xuân T1.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Thu P, sinh ngày 04/7/2020 cho chị Hoàng Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu P thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Minh G, sinh ngày 09/4/2022 cho anh Nguyễn Xuân T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu G thành niên (đủ 18 tuổi)). Chị T, anh T1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị T, anh T1 được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản trở.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T, anh T1 đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị Thu T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh T1 có hộ khẩu thường trú tại Khu X, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị T, anh T1 đều có quan

điểm xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, T2 án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 27/12/2019 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt. Chị T, anh T1 đều xác nhận quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc, đã ly thân cuối năm 2023 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1. Phía anh T1 không nhất trí ly hôn vì mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để cùng nuôi con chung. Tuy nhiên, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, anh T1 không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Thu P, sinh ngày 04/7/2020 và Nguyễn Minh G, sinh ngày 09/4/2022. Khi ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và nhất trí giao cháu G cho anh T1 được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Xét thấy cháu Nguyễn Minh G chưa đủ 36 tháng tuổi, nhưng cháu G hiện vẫn đang ở cùng anh T1, được anh T1 nuôi dưỡng, chăm sóc ổn định. Cả chị T và anh T1 đều nhất trí đề nghị giao cháu G cho anh T1 được nuôi dưỡng và giao cháu P cho chị T được nuôi dưỡng. Để ổn định chỗ ăn ở, thuận lợi cho việc học tập và sự phát triển của các con chung cần giao cháu P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu G cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T và anh T1 đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1,

điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Xuân T1.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Thu P, sinh ngày 04/7/2020 cho chị Hoàng Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu P thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Minh G, sinh ngày 09/4/2022 cho anh Nguyễn Xuân T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu G thành niên (đủ 18 tuổi)). Chị T, anh T1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị T, anh T1 được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T, anh T1 đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Hoàng Thị Thu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004763 ngày 25/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã H;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền